

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN HẢI LĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**

Số: 125 /GPMT-UBND

Hải Lăng, ngày 23 tháng 3 năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI LĂNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét nội dung báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường dự án “Cơ sở gia công cơ khí - sản phẩm thép và nhôm” đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản giải trình số 05/CV-HTS ngày 21/3/2023 của Công ty TNHH Hưng Thành Sơn;

Theo đề nghị của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện tại Tờ trình số 122/TTr-PTNMT, ngày 22/3/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Hưng Thành Sơn, địa chỉ trụ sở: Số 09 đường Mai Văn Toàn, Khóm 8, thị trấn Diên Sanh, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án: “Cơ sở gia công cơ khí - sản phẩm thép và nhôm”, với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án đầu tư: Cơ sở gia công cơ khí - sản phẩm thép và nhôm.

1.2. Địa điểm hoạt động: Cụm công nghiệp Diên Sanh, thị trấn Diên Sanh, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, Mã số doanh nghiệp: 3200534727 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị cấp, đăng lý lần đầu ngày 12/04/2012, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 13/01/2021.

1.4. Mã số thuế: 3200534727

1.5. Loại hình kinh doanh: Gia công cơ khí

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án

- Phạm vi khu đất được thể hiện tại Lô LO- 11 thuộc Cụm công nghiệp Diên Sanh, thị trấn Diên Sanh, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị.

- Quy mô: Tổng diện tích đất được giao của dự án là 3.636 m².

- Công suất: Gia công khung thép nhà xưởng 75 tấn sản phẩm/năm; Cửa nhôm hệ Xingfa 17 tấn sản phẩm/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức được cấp Giấy phép môi trường.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Hưng Thành Sơn có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về Phòng Tài nguyên và Môi trường, UBND thị trấn Diên Sanh, huyện Hải Lăng nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử

lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

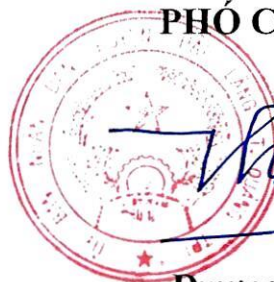
Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 24 tháng 3 năm 2023 đến ngày 24 tháng 3 năm 2033).

Điều 4. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện;
- Ban QLDA, PTQĐ & CCN huyện;
- UBND thị trấn Diên Sanh;
- Công ty TNHH Hưng Thành Sơn;
- Lưu: VT, PTNMT

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Dương Viết Hải

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Dự án “Cơ sở gia công cơ khí - sản phẩm thép và nhôm”

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 125/GPMT-UBND ngày 23/3/2023 của UBND huyện Hải Lăng)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải sinh hoạt

Nước thải phát sinh từ quá trình sinh hoạt của 20 CBCNV tại Cơ sở.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải sinh hoạt

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải sinh hoạt

Nước thải sinh hoạt của 20 CBCNV phát sinh được thu gom và xử lý bằng bể tự hoại 5 ngăn cải tiến, sau đó được đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của CCN.

2.2. Vị trí xả nước thải sinh hoạt

- Vị trí xả nước thải: Tại khu nhà vệ sinh sau khi qua bể tự hoại 5 ngăn cải tiến.

- Tọa độ điểm xả thải là: Tọa độ điểm xả thải là: X = 1.845.156m; Y = 607.135m (Hệ tọa độ VN2000, múi chiếu 3⁰, KKT 106⁰15’).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất

Lưu lượng tối đa: 2,0 m³/ngày đêm, tương đương 0,083 m³/giờ.

2.3.1. Phương thức xả nước thải:

Tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải:

Liên tục trong ngày (24 giờ).

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận:

Chất lượng nước thải được xử lý đạt Quy chuẩn cho phép trước khi xả thải - theo QCVN 14:2008/BTNMT cột B (trong đó $C_{max} = C \times K$ với $K=1,2$).

Bảng 1.1. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm

Stt	Chất ô nhiễm	Đơn vị	QCVN 14:2008/BTNMT Cột B, K=1,2
1	pH	-	5,5 - 9
2	BOD ₅ (20 °C)	mg/l	60
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	120
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1.200
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4,8
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	12
7	Nitrat (tính theo N)	mg/l	60
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	24
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	12
10	Phosphat (tính theo P)	mg/l	12
11	Tổng Coliform	MPN/100 ml	5.000

*** Ghi chú:**

- Quy chuẩn 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt;
- Cột B quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải sinh hoạt khi thải vào các nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (có chất lượng nước tương đương cột B1 và B2 của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt hoặc vùng nước biển ven bờ)
- K=1,2: áp dụng cho cơ sở sản xuất kinh doanh có dưới 500 người.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải****1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải**

Nước thải từ nhà vệ sinh (nước thải đen) được thu gom và xử lý bằng nhà vệ sinh tự hoại 5 ngăn cải tiến. Lượng nước sinh hoạt phát sinh bằng 100% lượng nước cấp. Khối lượng phát sinh trung bình 02 m³/ngày.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Bể tự hoại cải tiến BASTAF là bể phản ứng kỵ khí sử dụng các vách ngăn mỏng, ngăn lọc kỵ khí giúp điều hòa lưu lượng, nồng độ chất bẩn trong dòng nước thải để ngăn chất thải lắng đọng, tạo môi trường thuận lợi cho các vi khuẩn kỵ khí có ích trong từng giai đoạn, tăng thời gian lưu bùn.

- Bể tự hoại cải tiến BASTAF được xây dựng với 5 ngăn tách biệt được điều chỉnh tính toán dung lượng và nồng độ dòng chảy chính xác qua các vách ngăn mỏng dòng hướng lên và ngăn lọc kỵ khí.

- Để thuận tiện trong quá trình sử dụng trong trường hợp gia tăng số lượng cán bộ công nhân viên Chủ dự án sẽ xây dựng bể tự hoại có thể tích 12 m³.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

- Quản lý và xử lý nước thải sinh hoạt phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo đạt quy chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT cột B, K=1,2.

Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

Dự án “Cơ sở gia công cơ khí - sản phẩm thép và nhôm”

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 125/GPMT-UBND ngày 23/3/2023 của UBND huyện Hải Lăng)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải

Nguồn phát sinh: Khí thải phát sinh là hơi dung môi từ quá trình sơn phủ vật liệu.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

Dòng khí thải sau khi qua hệ thống xử lý khí thải đạt QCVN 19:2009/BTNMT và QCVN 20:2009/BTNMT ($K_p=1$; $K_v=1$) trước khi thoát ra môi trường.

2.1. Vị trí xả thải:

- Vị trí xả thải: Tại đầu ra của hệ thống xử lý khí thải.

- Tọa độ vị trí: X: 1.845.179m; Y: 607.119m (Hệ tọa độ VN2000, KTT 160015', múi chiều 30).

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 200 m³/h.

2.2.1. Phương thức xả khí thải

- Chế độ xả khí thải: Xả thải gián đoạn, 8h/ngày.

- Phương thức xả khí thải: Khí thải sau khi qua hệ thống xử lý sẽ tự thoát ra môi trường.

2.2.2. *Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường và quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với bụi, khí thải:*

Khí thải sau khi qua hệ thống xử lý khí thải đạt QCVN 19:2009/BTNMT và QCVN 20:2009/BTNMT trước khi thoát ra môi trường.

Bảng 1.1. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn chất ô nhiễm trong khí thải

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 20:2009/BTNMT ($K_p=1$; $K_v=1$)
1	Bụi	mg/Nm ³	200 ^(*)
2	C ₆ H ₆ (Benzen)	mg/Nm ³	5
3	C ₆ H ₅ -CH ₃ (Toluen)	mg/Nm ³	750
4	HCHO (Fomaldehyt)	mg/Nm ³	20

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 20:2009/BTNMT (Kp=1; Kv=1)
5	C ₆ H ₄ (CH ₃) ₂ (Xylen)	mg/Nm ³	870

Ghi chú:

(^{*)}: QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

- QCVN 20:2009/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

Kp=1: áp dụng với các cơ sở sản xuất, kinh doanh có lưu lượng nguồn thải $P \leq 20.000 \text{ m}^3/\text{h}$;

Kv=1: áp dụng cho khu vực loại 3 (nằm trong KCN, vùng ngoại thành, ngoại đô thị loại II, III, IV có khoảng cách đến ranh giới nội thành, nội thị lớn hơn hoặc bằng 2km).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

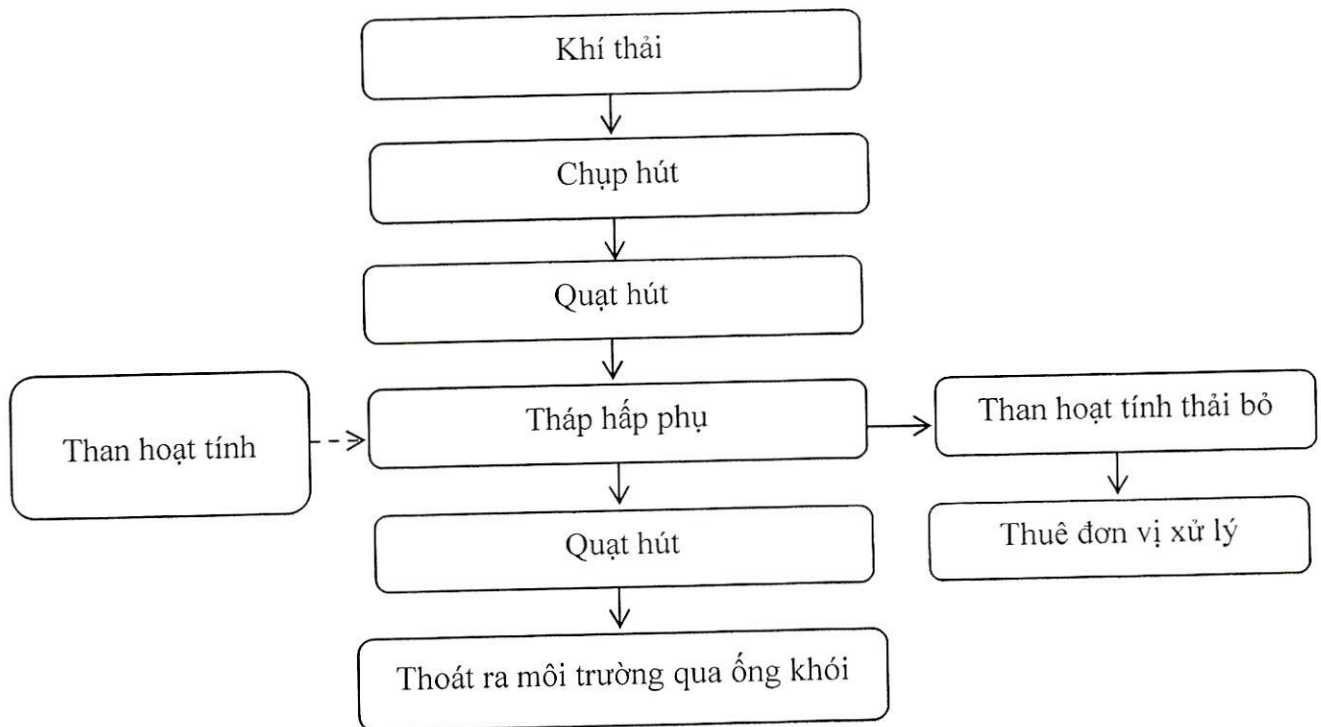
1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải

Công trình thu gom khí thải trước khi được xử lý: Khí thải phát sinh được thu gom bằng 01 hệ thống chụp hút tại phòng sơn để đưa vào công đoạn xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

- Công trình xử lý khí thải: Bố trí chụp hút để hút các khí thải phát sinh dẫn vào hệ thống xử lý sử dụng công nghệ hấp phụ bằng than hoạt tính và tháp hấp phụ. Quy trình hệ thống xử lý khí thải như sau:



Hình 1.1. Quy trình xử lý khí thải

- Số lượng hệ thống: 01 hệ thống.
- Số lượng chụp hút: 01 cái.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

Giai đoạn vận hành thử nghiệm được thực hiện dự kiến trong khoảng thời gian 03 tháng, bắt đầu từ khi Dự án được xây dựng hoàn thiện đi vào vận hành. Trong giai đoạn vận hành thử nghiệm, lượng khí thải phát sinh khoảng 100% công suất thiết kế với lưu lượng hút khoảng 200 m³/h.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm

- Tên công trình, thiết bị: Hệ thống xử lý khí thải sử dụng công nghệ hấp phụ bằng than hoạt tính.

- Vị trí lấy mẫu: Tại đầu ra của hệ thống xử lý khí thải.

- Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

Bảng 1.3. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn chất ô nhiễm trong khí thải

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 20:2009/BTNMT (Kp=1; Kv=1)
1	Bụi	mg/Nm ³	200 ^(*)
2	C ₆ H ₆ (Benzen)	mg/Nm ³	5
3	C ₆ H ₅ -CH ₃ (Toluen)	mg/Nm ³	750
4	HCHO (Fomaldehyt)	mg/Nm ³	20
5	C ₆ H ₄ (CH ₃) ₂ (Xylen)	mg/Nm ³	870

Ghi chú:

(^{*}): QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;

- QCVN 20:2009/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ;

Kp=1: áp dụng với các cơ sở sản xuất, kinh doanh có lưu lượng nguồn thải $P \leq 20.000 \text{ m}^3/\text{h}$;

Kv=1: áp dụng cho khu vực loại 3 (nằm trong KCN, vùng ngoại thành, ngoại đô thị loại II, III, IV có khoảng cách đến ranh giới nội thành, nội thị lớn hơn hoặc bằng 2km).

2.3. Tần suất lấy mẫu

Thực hiện quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định công trình xử lý khí thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư, cơ sở đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục A phụ lục này trước khi xả thải ra môi trường.

- Thực hiện chương trình quan trắc môi trường theo nội dung của báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường.

+ Vị trí giám sát: 01 điểm tại đầu ra của hệ thống xử lý khí thải.

+ Thông số giám sát: Bụi, benzen, toluen, xylen, Fomaldehyt.

+ Tần suất quan trắc: 3 tháng/lần.

+ Quy chuẩn áp dụng: QCVN 19:2009/BTNMT và QCVN 20:2009/BTNMT.

Phụ lục 3

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Dự án “Cơ sở gia công cơ khí - sản phẩm thép và nhôm”

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 125/GPMT-UBND ngày 23/3/2023
của UBND huyện Hải Lăng)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

Hoạt động gia công (cắt, hàn) tại dây chuyền gia công khung sắt và cửa nhôm kính hệ Xingfa.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Vị trí phát sinh chính:

+ Tại khu vực nhà xưởng gia công khung sắt: Tọa độ: X: 1.845.192m; Y: 607.146m (Hệ tọa độ VN2000, KTT 160⁰15', múi chiếu 3⁰).

+ Tại khu vực nhà xưởng sản xuất cửa nhôm kính hệ Xingfa: tọa độ: X: 1.845.232m; Y: 607.191m (Hệ tọa độ VN2000, KTT 160⁰15', múi chiếu 3⁰).

3. Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung

Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung

Bảng 1.3. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn theo quy chuẩn

STT	Thông số	Đơn vị	QCVN	
			26:2010/BTNMT	27:2010/BTNMT
1	Tiếng ồn (khu vực thông thường 6-21 giờ)	dBA	70	-
2	Độ rung (khu vực thông thường 6-21 giờ)	dB	-	75

Ghi chú: - QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn;

- QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung.

B. YÊU CẦU BVMT ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

Chủ dự án thực hiện các biện pháp sau:

- Lựa chọn các thiết bị máy móc có độ ồn thấp, không sử dụng các máy móc quá cũ, lạc hậu.

- Các loại máy cắt, hàn được cân chỉnh và cố định bằng các bộ móng hạn chế rung động.

- Trong quá trình sử dụng sẽ thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng máy móc, thiết bị (như bôi dầu mỡ, kiểm tra các kết cấu truyền động,...) để máy móc hoạt động tình trạng tốt nhất.

- Sử dụng máy móc, thiết bị đúng công suất, không vận hành thiết bị khi quá tải.

- Vận hành sản xuất đúng thời gian quy định, bố trí thời gian làm việc hợp lý cho các công nhân làm việc trong các khu vực có tiếng ồn cao và có chế độ khám sức khỏe định kỳ 6 tháng/lần theo quy định, nhằm đảm bảo sức khỏe lâu dài cho công nhân.

- Quy định tốc độ xe, máy móc khi hoạt động trong khu vực Cơ sở.

- Trồng cây xanh xung quanh khu vực sản xuất, nhà xưởng, sân bãi nhằm hạn chế tiếng ồn phát ra ngoài.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định.

- Quản lý và kiểm soát tiếng ồn, độ rung trong quá trình thi công xây dựng và hoạt động của Cơ sở đảm bảo đạt quy chuẩn QCVN 26:2010/BTNMT, QCVN 27:2010/BTNMT.

Phụ lục 4

**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

Dự án “Cơ sở gia công cơ khí - sản phẩm thép và nhôm”

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 125/GPMT-UBND ngày 23/3/2023
của UBND huyện Hải Lăng)*

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

- Chủng loại: giẻ lau dính dầu phát từ các công đoạn vệ sinh máy móc, thiết bị; mực in, bóng đèn huỳnh quang phát sinh từ khu vực văn phòng; thùng sơn, xỉ hàn phát sinh trong quá trình hoạt động của Cơ sở.

- Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh ước tính khoảng 5,0 kg/tháng, tương đương tối đa khoảng 60,0 kg/năm.

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

- Chủng loại: sắt, thép, nhôm vụn

- Khối lượng: 20kg/ngày, tương đương tối đa khoảng 6,0 tấn/năm.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

- Chủng loại: Vỏ đồ hộp, các chất hữu cơ, bao bì nilon, chai nhựa,....

- Khối lượng: 10 kg/ngày, tương đương tối đa khoảng 3.000 kg/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

- Bố trí 02 thùng chứa chuyên dụng loại 60L có nắp đậy và lưu chứa tại 01 kho chất thải nguy hại có diện tích khoảng 20 m² trong khu vực Cơ sở;

- Dán nhãn mã số ở kho, thùng chứa chất thải nguy hại;

- Công ty sẽ ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại.

- Định kỳ 01 lần/năm báo cáo tình hình phát sinh chất thải nguy hại tích hợp trong báo cáo công tác BVMT hàng năm theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

Chủ Dự án sẽ áp dụng các giải pháp như sau:

- Bố trí 02 thùng rác loại 120L đặt tại cửa ra vào các nhà xưởng sản xuất

để thu gom CTR thông thường phát sinh, sau đó hợp đồng với Trung tâm Môi trường - Đô thị Hải Lăng đưa đi xử lý.

- Đối với các loại CTR từ khu vực văn phòng trang bị 01 thùng rác 120L để thu gom.

- Các CTR là sắt thép, nhôm từ quá trình gia công sẽ được tận dụng lại trong quá trình sản xuất hoặc thu gom vào kho chứa CTR sau đó bán cho các cơ sở thu mua phế liệu.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

Chủ dự án bố trí 02 thùng đựng rác loại 60L tại khu nhà ở của cán bộ công nhân viên và khu vực sản xuất, định kỳ hợp đồng với Trung tâm Môi trường - Đô thị Hải Lăng vận chuyển đi xử lý.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Phòng ngừa sự cố cháy, nổ

Xây dựng phương án PCCC trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, thành lập đội PCCC tại chỗ, xây dựng nội quy PCCC, trang bị đầy đủ các thiết bị PCCC.

2. An toàn lao động

- Cơ sở bắt buộc tất cả công nhân lao động trong giờ làm việc phải sử dụng các trang thiết bị bảo hộ lao động (quần áo, mũ, găng tay, giày ủng, khẩu trang, kính mắt, bông tai,...).

- Tổ chức các lớp đào tạo, nâng cao tay nghề, huấn luyện về an toàn lao động, vệ sinh môi trường theo quy định hiện hành.

- Thường xuyên và định kỳ 6 tháng/lần khám sức khỏe cho công nhân lao động trong Nhà máy.

- Cấm công nhân sử dụng bia rượu trong giờ làm việc.

- Thực hiện biện pháp sơ cứu và cấp cứu kịp thời khi có sự cố xảy ra.

3. An toàn giao thông

- Các phương tiện giao thông đường bộ của cán bộ công nhân viên, các xe vận chuyển hàng hoá của Công ty phải đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật quy định và tuyệt đối chấp hành Luật giao thông đường bộ hiện hành.

- Các tuyến giao thông đoạn vào khu vực Cơ sở sẽ được bố trí biển báo, các chỉ dẫn rõ ràng về tốc độ, hướng rẽ,...

- Các tài xế không được sử dụng bia rượu trong khi điều khiển phương tiện.

- Khi vận hành tuyệt đối không được chở quá tải đối với quy định. Các loại phương tiện như máy xúc, máy ủi có bánh xích phải được chở vào khu vực bằng xe chuyên dụng, không được chạy trực tiếp trên đường.

C. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC CHẤT THẢI

1. Quan trắc khí thải

- Vị trí giám sát: 01 điểm tại đầu ra của hệ thống xử lý khí thải.
- Thông số giám sát: Bụi, benzen, toluen, xylen, Fomaldehyt.
- Tần suất quan trắc: 3 tháng/lần.
- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 19:2009/BTNMT và QCVN 20:2009/BTNMT.

2. Giám sát CTR, CTNH

- Thông số giám sát: Thành phần, khối lượng và bảo quản lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, CTR thông thường và CTNH.
- Vị trí giám sát: tại khu vực chứa CTR, CTNH của Nhà máy.
- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.